

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HS-PT
Ngày: 11 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn, Bà Từ Thị Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2018/TLPT- HS ngày 05 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thanh S do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2018/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thanh S**, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1967 tại xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn 2 , xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nguyên là Công chức địa chính – Xây dựng Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thăng H và bà Phạm Thị Á; có vợ: Nguyễn Thị H và 2 con sinh các năm 1990, 1992; tiền án: Không; tiền sự: Không; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt; không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh S:

Người bị hại:

Ông Phan Văn K, cư trú tại: Thôn C, xã P , huyện B , tỉnh Quảng Bình.
Vắng mặt.

Người được ông Phan Văn K uỷ quyền tham gia giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1966, cư trú tại: Thôn C, xã P , huyện B , tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

Bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1941, cư trú tại: Thôn C, xã P , huyện B , tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

Ông Lê Văn D, sinh năm 1985, cư trú tại: Thôn 3, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

Ông Lê Văn D1, sinh năm 1983, cư trú tại: Thôn 3, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

Ông Lê Văn H, sinh năm 1941, cư trú tại: Thôn 3, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Luật sư Hồ Lý Hải - Văn phòng Luật sư Hồ Lý Hải, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác được triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, Ông Nguyễn Quang T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2005 Nguyễn Thanh S được Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, bổ nhiệm làm Công chức xã, giữ chức vụ Công chức Địa chính - Xây dựng xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Từ năm 2010 đến năm 2014, S đã tự ý thu tiền xin giao quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 05 hộ dân trú tại Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình khi chưa có chủ trương cấp đất của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cụ thể;

Ngày 23 tháng 01 năm 2010 ông Phạm Văn K đến Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch gặp Nguyễn Thanh S nộp đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để hợp thức hóa thửa đất mà gia đình ông đã định cư ở đó, S nhận đơn và thu của ông K 5.000.000 đồng;

Ngày 28 tháng 1 năm 2010 bà Nguyễn Thị L đến nộp đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà khai hoang trước đó, Sơn nhận đơn và thu của bà L số tiền 13.130.000 đồng;

Năm 2013 khi có chủ trương hỗ trợ kinh phí cho các hộ di dân; giãn dân của một số hộ gia đình các địa phương sống trong vùng lũ quét, thấp, lụt, sạt lở đất đến nơi ở mới an toàn nhằm ổn định cuộc sống, sản xuất, nên năm 2014, các ông Lê Văn D, Lê Văn D1, Lê Văn H nộp đơn xin cấp đất làm nhà ở xóm Chày, thôn Chày Lập, xã Phúc Trạch. Sau khi nhận đơn, Sơn đến thôn Chày Lập đo đạc và giao đất cho 03 hộ dân trên khi chưa có chủ trương cấp đất của Cơ quan có thẩm quyền với diện tích 600m² (03 hộ liền kề tại các thửa đất 668, 669, 670 thuộc tờ bản đồ số 43, có quy hoạch chi tiết phân lô đất ở năm 2014, sau đó các ông Lê Văn D1, Lê Văn D, Lê Văn H mỗi người nộp cho Sơn 31.330.000 đồng. Sơn thu tiền nhưng không lập phiếu thu, không nộp vào ngân sách của xã Phúc Trạch mà cất giữ ở nhà. Tổng số tiền mà Sơn thu của 05 người nói trên là 112.120.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của 02 phiếu thu phô tô, nhưng cơ quan giám định không có cơ sở trả lời vì văn bản yêu cầu giám định là bản photo.

Sau khi có Kết luận Thanh tra số 339, ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Bồ Trách, tháng 3 năm 2017, Nguyễn Thanh S trả lại số tiền đã thu cho các ông Lê Văn D, Lê Văn D1, Lê Văn H và trả lại tiền đã thu cho bà Nguyễn Thị L, ông Phan Văn K nhưng bà Nguyễn Thị L, ông Phan Văn K không nhận lại tiền nên Nguyễn Thanh S đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện Bồ Trách số tiền 18.130.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra giải quyết vụ án, Nguyễn Thanh S đã tự nguyện nộp số tiền 18.130.000 đồng để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn K tại tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện Bồ Trách.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thanh S đã tự nguyện trả lại số tiền 93.990.000 đồng cho các ông Lê Văn H, Lê Văn D, Lê Văn D1; trả lại cho bà L số tiền 13.130.000 đồng và ông K 5.000.000 đồng nhưng bà L và ông K không nhận nên S đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện Bồ Trách.

Cáo trạng số 29/THQCT-KSĐT ngày 25 tháng 6 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình truy tố Nguyễn Thanh S về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2018/HS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách quyết định tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 355; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Nguyễn Thanh S 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Thanh S đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Tuyên buộc Nguyễn Thanh S phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L 13.130.000 đồng, bồi thường cho ông Phan Văn K 5.000.000 đồng, tiền bồi thường Nguyễn Thanh S đã nộp được chuyển vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách;

Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm đối với bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định ngày 26 tháng 10 năm 2018, bị cáo Nguyễn Thanh S có đơn kháng cáo thừa nhận việc bị cáo tự ý thu tiền của những người xin được giao đất, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sai nhưng bị cáo không chiếm đoạt số tiền đã thu mà chỉ cất giữ hộ cho họ, sau khi có Kết luận thanh tra, bị cáo đã chủ động báo cáo Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch và nộp lại số tiền đã thu, những người nộp tiền đều thừa nhận bị cáo không chiếm đoạt tiền của họ. Đề nghị xét xử phúc thẩm minh oan, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện điều trị bệnh tật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 25 tháng 12 năm 2018, bà Nguyễn Thị H vợ Nguyễn Thanh S giao nộp bản photo Kết luận thanh tra số 339/KL-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2017 cùng các tài liệu kèm theo; nộp các bản sao Giấy ra viện ngày 20/12/2018; 06/02/2018; 05/9/2018; 02/01/2018; 21/11/2018; 17/8/2018;

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, bà Nguyễn Thị H vợ Nguyễn Thanh S giao nộp bản sao Phiếu kết quả chụp động mạch vành của Bệnh viện hữu nghị Việt Nam – Cu Ba – Đồng Hới.

Tại phiên tòa phúc thẩm lúc đầu bị cáo Nguyễn Thanh S giữ nguyên nội dung kháng cáo và thừa nhận việc bị cáo tự thu số tiền 112.120.000 đồng của 5 người gồm các ông: Lê Văn D1, Lê Văn D, Lê Văn H, thu mỗi người 31.330.000 đồng; thu của ông Phan Văn K 5.000.000 đồng; thu của bà Nguyễn Thị L 13.130.000 đồng nhưng không lập phiếu thu, không nộp vào ngân sách của Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch mà cất giữ ở nhà để chờ khi những người này được giao đất thì đưa số tiền đã thu nộp vào ngân sách cho họ. Bị cáo thu tiền và cất giữ để giúp họ nộp tiền khi được cấp đất, bị cáo không chiếm đoạt số tiền 112.120.000 đồng đã thu của 05 người nói trên. Khi có Kết luận thanh tra, bị cáo đã báo cáo với Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch và nộp lại đủ số tiền đã thu nên việc bị cáo tự ý thu tiền của 5 hộ dân không phạm vào tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” như Cáo trạng quy kết và quyết định của Bản án sơ thẩm. Việc thu tiền của bị cáo chỉ phạm vào tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau khi xét hỏi, tranh tụng, đối đáp, công bố lời khai của bị cáo, lời khai của các bị hại, nghe ý kiến của các bị hại, bị cáo Nguyễn Thanh S mới thừa nhận Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2018/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xử, tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” là đúng. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tình trạng sức khỏe, bệnh tim hiện tại của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện điều trị bệnh tật, chăm lo cuộc sống gia đình.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh S sau phần xét hỏi, tranh tụng, đối đáp thấy bị cáo Nguyễn Thanh S thừa nhận Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2018/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xử, tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” là đúng nên không tranh luận tội danh giữa “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” và “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” như kháng cáo của bị cáo và nhận thức của bị cáo ở tại phiên tòa sơ thẩm. Chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tình trạng sức khỏe, bệnh tim hiện tại của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa phúc thẩm để cho bị cáo có điều kiện điều trị bệnh tật, chăm lo cuộc sống gia đình.

Các bị hại thừa nhận việc nộp tiền xin cấp đất cho Nguyễn Thanh S theo yêu cầu của Nguyễn Thanh S để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi nộp tiền đã rất nhiều lần tìm gặp Nguyễn Thanh S để hỏi về việc cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đều được Sơn hứa nhưng không thực hiện lời hứa; các ông Lê Văn D1, Lê Văn D, Lê Văn H thừa nhận đã được Nguyễn Thanh S trả lại số tiền đã thu của mỗi người 31.330.000 đồng sau khi có Kết luận của Cơ quan Thanh tra; ông Phan Văn K bà Nguyễn Thị L không chấp nhận nhận lại số tiền đã nộp cho Nguyễn Thanh S vì bị trượt giá và đến nay vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh S cho rằng hành vi Nguyễn Thanh S tự ý thu tiền xin cấp đất của 5 hộ dân chỉ phạm vào tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” vì kháng cáo của bị cáo không có căn cứ. Hành vi Nguyễn Thanh S lợi dụng công việc được giao của Công chức Địa chính – Xây dựng Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch, tự ý thu tiền xin cấp đất, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 5 người dân với số tiền 112.120.000 đồng có đủ yếu tố cấu thành của tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 280 Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y Bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh S để sửa Bản án sơ thẩm, áp dụng điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 355; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thanh S từ 06 đến 09 tháng tù; cấm Nguyễn Thanh S đảm nhiệm chức vụ nhất định theo quy định của pháp luật. Giữ y quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 13.130.000 đồng và ông Phan Văn K số tiền 5.000.000 đồng, số tiền này bị cáo Sơn đã tự nguyện nộp lại, hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; giữ ý các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo lời khai của bị cáo Nguyễn Thanh S tại phiên tòa sơ thẩm, đơn kháng cáo và lời khai lúc đầu ở phiên tòa phúc thẩm, bị cáo chỉ thừa nhận việc thu tiền xin cấp đất, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn K, bà Nguyễn Thị L; thu tiền của các ông Lê Văn D1, Lê Văn D, Lê Văn H mỗi người 31.330.000 đồng với số tiền đã thu của 5 người tổng cộng 112.120.000 đồng nhưng không lập phiếu thu, không nộp vào ngân sách của xã Phúc Trạch, thừa nhận việc tự ý đo đạc, giao đất cho các ông Lê Văn D1, Lê Văn D, Lê Văn H khi chưa có chủ trương cấp đất của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với diện tích 600m² (03 hộ liền kề tại các thửa đất 668, 669, 670 thuộc tờ bản đồ số 43), Hội đồng xét xử thấy: Lời khai của bị cáo mâu thuẫn với Biên bản hỏi cung bị can ngày 08 tháng 02 năm 2018 (B1 35), Nguyễn Thanh S khai nhận, bị cáo thu tiền

của 5 hộ dân không nộp vào quỹ của Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch, không đưa cho ai mà tự ý cất giữ cá nhân, nhận hồ sơ xin cấp đất khi chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền phê duyệt và cho phép làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. “Mục đích thu tiền là để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tôi không làm”. Mâu thuẫn với Biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị L ngày 30 tháng 5 năm 2017 (Bl 60), bà L trình bày với Nguyễn Thanh S, thừa đất bà xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà khai hoang phục hoá năm 1985 nên không phải nộp tiền nhưng Nguyễn Thanh S không nghe và nói “nếu không nộp tiền thì không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được làm nhà”. Sau khi bà L nộp 13.100.000 đồng cho S và S hứa sẽ làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thừa đất bà đã nộp tiền từ ngày 28 tháng 01 năm 2010, trên đất bà L đã làm nhà để ở. Mâu thuẫn với lời khai của bà Trần Thị M (con gái bà L) tại Biên bản ghi lời khai ngày 07 tháng 3 năm 2018 (Bl 64) có nội dung tương tự và còn thể hiện sau khi nộp tiền, bà M đã nhiều lần gặp hỏi Nguyễn Thanh S việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều được S trả lời gần có nhưng đến nay vẫn chưa có. Mâu thuẫn với Biên bản ghi lời khai ông Lê Văn D1 ngày 31 tháng 5 năm 2017 (Bl 66), ông D trình bày năm 2013, ông D đến gặp Sơn xin cấp đất làm nhà, S dẫn ông D xuống thôn Chày Lập xã Phúc Trạch đo đất cho ông D và bảo ông phải nộp 31.100.000 đồng để làm giấy cấp quyền sử dụng đất, sau khi nộp tiền, S bảo ông D cứ làm nhà rồi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau nhưng từ đó đến nay vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 3 năm 2017 sau khi có Kết luận Thanh tra, Sơn đưa số tiền đã thu đến trả lại cho ông D. Theo đó, không có việc 5 hộ dân đã nộp tiền cho Nguyễn Thanh S theo quan hệ nhờ Nguyễn Thanh S cất giữ tiền ở nhà Sơn để chờ khi những người này được giao đất thì đưa số tiền đã thu nộp vào ngân sách cho họ mà do Sơn yêu cầu họ phải nộp tiền mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi chưa biết họ có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không; có thuộc đối tượng được miễn, giảm nộp tiền sử dụng đất hay không; chưa biết được số tiền họ phải nộp theo quy định nếu đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bao nhiêu.

Theo diễn biến việc Nguyễn Thanh S thu tiền của 5 người dân với số tiền tổng cộng 112.120.000 đồng nhưng không có phiếu thu, sau khi thu tiền không nộp vào Thủ quỹ Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch theo đúng quy định, không thực hiện việc báo cáo, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ cùng các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng, đối đáp công khai tại phiên tòa phúc thẩm, lời thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo sau phần tranh tụng, đối đáp cho thấy hành vi phạm tội của Nguyễn Thanh S có đủ yếu tố cấu thành của tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 280 Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2018/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch quyết định tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

[1] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh S và quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng hành vi Nguyễn Thanh S tự ý thu tiền của 5 hộ dân xin cấp đất và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ phạm vào tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Tuy đơn kháng cáo và lời khai ban đầu của bị cáo cho rằng việc bị cáo tự ý thu tiền của các hộ dân xin cấp đất chỉ phạm vào tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng sau phần xét hỏi, tranh tụng, đối đáp, công bố lời khai của bị cáo, lời khai của các bị hại, nghe ý kiến của các bị hại, bị cáo Nguyễn Thanh S đã thừa nhận Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2018/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách xử, tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” là đúng. Lời thừa nhận hành vi phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” của bị cáo Nguyễn Thanh S tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, do Bản án sơ thẩm xử, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật đối với Nguyễn Thanh S nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo đề nghị xem xét tội danh cho bị cáo mà phải giữ y Bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

[2] Xét nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội khi Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) chưa có hiệu lực nhưng được xét xử khi Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực, qua xem xét thấy quy định của Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” có lợi hơn đối với người phạm tội so với quy định của Điều 280 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (Bộ luật Hình sự năm 1999) về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” nên Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, các quy định có lợi theo Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thanh S theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Nguyễn Thanh S đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền 112.120.000 đồng nên bị truy tố và xét xử theo điểm d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015 “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, có hình phạt tù từ 06 năm đến 13 năm. Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm d khoản 2 Điều 355; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S mức án 36 tháng tù, là mức án dưới khởi điểm của khoản 2, trong khung hình phạt của khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Theo tính chất mức độ vụ án, tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã trả lại đủ số tiền chiếm đoạt ngay sau khi có Kết luận của Cơ quan Thanh tra, xét hiện tại bị cáo đang điều trị bệnh động mạch vành, Hội đồng xét xử thấy mức án 36 tháng tù theo quyết định của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo là có phần nặng nên chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo để giảm hình phạt cho bị cáo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên toà phúc thẩm chứ không thể cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo đã phạm vào nhóm tội tham nhũng, gây ảnh hưởng xấu cho xã hội, không đủ điều kiện được hưởng án treo theo các Nghị quyết hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo.

Bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, thuộc các tội phạm về chức vụ, ngoài quy định về tội danh, hình phạt theo Bộ luật Hình sự thì hành vi phạm tội của Nguyễn Thanh S còn bị điều chỉnh của Luật phòng, chống tham nhũng, Bản án sơ thẩm xử không áp dụng khoản 3 Điều 3, Điều 4 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 được sửa đổi, bổ sung các năm 2007, 2012 đối với bị cáo là áp dụng không đầy đủ quy định của pháp luật để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 1999, tương ứng với Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì thời hạn cấm người phạm tội đảm nhận chức vụ kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật chỉ được áp dụng đối với người phạm tội bị tuyên phạt hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, người bị phạt tù cho hưởng án treo; với người bị xử hình phạt tù không cho hưởng án treo thì thời hạn tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Theo hình phạt 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án đối với Nguyễn Thanh S, Bản án sơ thẩm cấm Nguyễn Thanh S đảm nhận công việc nhất định trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật là không đúng.

Bản án sơ thẩm ở phần Nhận định có đề cập việc áp dụng văn bản pháp luật có lợi đối với bị cáo theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 nhưng phần quyết định của Bản án lại không áp dụng cũng là thiếu sót.

Tuy Bản án sơ thẩm có những sai sót nhưng các sai sót này không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên cấp phúc thẩm không được sửa Bản án sơ thẩm mà chỉ nêu để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thanh S.

Bị cáo Nguyễn Thanh S kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 2 Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo về tội danh của bị cáo Nguyễn Thanh S và giữ y Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

2. Chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh S để sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 355; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 đối với bị cáo Nguyễn Thanh S.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S **27** (hai mươi bảy) **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Bị cáo Nguyễn Thanh S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về Cấm bị cáo Nguyễn Thanh S đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; buộc Nguyễn Thanh S phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L 13.130.000 đồng, bồi thường cho ông Phan Văn K 5.000.000 đồng, tiền bồi thường Nguyễn Thanh S đã nộp được chuyển vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch; Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (11 tháng 3 năm 2019).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 BLTTHS;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Vụ GDKT 1 TANDTC;
- Sở Tư pháp QB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn THS, VPTAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Việt